

Số: 85 /GPMT-UBND

Tân Uyên, ngày 23 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Xin Guang Hong Việt Nam số 16/XGH-MT ngày 16 tháng 12 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2781/TTr-PTNMT ngày 20/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Xin Guang Hong Việt Nam, địa chỉ tại Lô M3 – Module 1, Lô D, đường D2, khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất: Tẩm cao su 620 tấn/năm, dây viền cao su 30 tấn/năm và sản xuất đế giày bằng cao su 1.440.000 đôi/năm tương đương 460,8 tấn/năm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: “Nhà máy sản xuất: Tẩm cao su 620 tấn/năm, dây viền cao su 30 tấn/năm và sản xuất đế giày bằng cao su 1.440.000 đôi/năm tương đương 460,8 tấn/năm”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô M3 – Module 1, Lô D, đường D2, khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Thuê lại nhà xưởng của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3702606573, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 19

tháng 06 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

1.4. Giấy chứng nhận đầu tư số 5415085782 chứng nhận lần đầu ngày 28 tháng 09 năm 2017, đăng ký thay đổi lần 3 vào ngày 06 tháng 09 năm 2023 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương cấp.

1.5. Mã số thuế: 3702606573

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất tấm cao su, dây viền cao su, đế giày bằng cao su.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích của cơ sở: 2.520 m² (Hợp đồng cho thuê nhà xưởng, văn phòng của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên theo số 061/NX/NTC1-XGH ngày 17 tháng 11 năm 2022 tại Lô M3 – Module 1, Lô D, đường D2, khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

- Quy mô: Dự án đầu tư có tiêu chí như dự án nhóm C (*Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Công suất: Sản xuất tấm cao su 620 tấn/năm, dây viền cao su 30 tấn/năm và sản xuất đế giày bằng cao su 1.440.000 đôi/năm tương đương 460,8 tấn/năm.

- Quy trình sản xuất:

+ Quy trình sản xuất tấm cao su, dây viền cao su:

Nguyên liệu (Các loại cao su) → Cắt nhỏ nguyên liệu → Phối liệu → Trộn nguyên liệu – Cán tấm → Làm mát trực tiếp – Chống dính → Cắt thành miếng → Phối màu → Cán mỏng → Tấm cao su bán thành phẩm → (1)(2)(3)

(1) Sản xuất tấm cao su không dán vải: Tấm cao su bán thành phẩm → Cán tấm/Cán hoa văn → Cắt rìa 2 bên → Bột chống dính → Cuộn cao su bán thành phẩm → Làm nguội tự nhiên (Trong khoảng 2 giờ) → Lưu hóa (Ở nhiệt độ 130-140°C trong 40 phút) → Làm nguội tự nhiên (Trong khoảng 3 giờ) → Mài → Thành phẩm tấm cao su không dán vải → Đóng gói → Lưu kho

(2) Sản xuất tấm cao su có dán vải: Tấm cao su bán thành phẩm → Cán tấm/Cán hoa văn → Cắt rìa 2 bên → Cuộn cao su bán thành phẩm → Làm nguội tự nhiên (Trong khoảng 2 giờ) → Dán vải → Cắt rìa vải → Cuộn cao su có dán vải → Mài → Thành phẩm tấm cao su có dán vải → Đóng gói → Lưu kho

(3) Sản xuất dây viền cao su: Tấm cao su bán thành phẩm → Cán tấm (Tạo đường rãnh) → Cắt rìa 2 bên → Bột chống dính → Làm nguội tự nhiên (Trong khoảng 2 giờ) → Lưu hóa (Ở nhiệt độ 130-140°C trong 40 phút) →

Làm nguội tự nhiên (Trong khoảng 3 giờ) → Mài → Thành phẩm tấm cao su không dán vải → Đóng gói → Lưu kho

+ Quy trình sản xuất đế giày bằng cao su:

- Sản xuất bằng cao su tự nhiên (Cao su 3L): Nguyên liệu (Các loại cao su) → Cắt nhỏ nguyên liệu → Phối màu, phối trộn → Cắt định hình → Thành phẩm đế giày cao su tự nhiên → Đóng gói → Lưu kho (Phòng lạnh ở nhiệt độ 20°C)

- Sản xuất bằng cao su hỗn hợp: Nguyên liệu (Các loại cao su) → Cắt nhỏ nguyên liệu → Phối liệu, trộn nguyên liệu (Thiết bị máy con lăn) → Cắt thành tấm → Phối màu, phối trộn → Ép tấm – Cắt theo yêu cầu → Ép thủy lực, cắt rìa → Thành phẩm đế giày cao su tự nhiên → Đóng gói → Lưu kho (Phòng lạnh ở nhiệt độ 20°C)

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Xin Guang Hong Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; Có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; Quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức

năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Từ ngày 23... tháng 12... năm 2024 đến ngày 16 tháng 11 năm 2028.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố, UBND phường Khánh Bình tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./. 

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Xin Guang Hong Việt Nam;
- Phòng TNMT TPTU;
- Cổng Thông tin điện tử của UBNDTP;
- Lưu: VT. Đức.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Nguyên

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **85**./GPMT-UBND ngày **23** tháng **12**.. năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, không xả thải ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh:

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn (thể tích 16,32 m³), nước thải sau bể tự hoại được dẫn theo đường ống PVC D200mm cùng với nước rửa tay chân được đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải của Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn (01 bể, dung tích 16,32 m³/bể) và nước thải rửa tay chân được thu gom bằng đường ống PVC D200mm → Hệ thống thu gom thoát nước thải của KCN Nam Tân Uyên.

- Tổng thể tích của các bể tự hoại: 16,32 m³

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc trường hợp phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các công trình của bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải để tránh sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra và vệ sinh đường ống thoát nước, hồ ga để tăng khả năng xử lý nước và thoát nước.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút bùn từ bể tự hoại đưa đi xử lý.

- Không thải vào bể tự hoại các loại chất thải như nước mưa, nước chảy tràn bề mặt, các chất thải dạng rắn,...

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **85**.../GPMT-UBND ngày **23** tháng **12** năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn thải số 01: Khí thải phát sinh từ khu vực máy luyện cao su (trộn nguyên liệu).
- Nguồn thải số 02: Khí thải phát sinh từ khu vực máy chứa bột chống dính 01.
- Nguồn thải số 03: Khí thải phát sinh từ khu vực máy chứa bột chống dính 02.
- Nguồn thải số 04: Khí thải phát sinh từ khu vực máy chứa bột chống dính 03.
- Nguồn thải số 05: Khí thải phát sinh từ khu vực máy mài 01.
- Nguồn thải số 06: Khí thải phát sinh từ khu vực máy mài 02.
- Nguồn thải số 07: Khí thải phát sinh từ khu vực máy mài 03.
- Nguồn thải số 08: Khí thải phát sinh từ khu vực máy mài 04.
- Nguồn thải số 09: Khí thải phát sinh từ khu vực máy lưu hóa (Không thuộc đối tượng phải cấp phép).
- Nguồn thải số 10: Khí thải phát sinh từ khu vực máy dán vải 1 (Không thuộc đối tượng phải cấp phép).
- Nguồn thải số 11: Khí thải phát sinh từ khu vực máy dán vải 2 (Không thuộc đối tượng phải cấp phép).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**2.1. Vị trí xả khí thải:**

STT	Nguồn khí thải	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ
1	Nguồn thải số 01	Dòng thải số 01	Ống thoát khí thải số 01 sau hệ thống xử lý khí thải từ khu vực máy luyện cao su (trộn nguyên liệu)	X=1223377, Y=609632

STT	Nguồn khí thải	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ
2	Nguồn số 02, 03, 04	Dòng thải số 02	Ống thoát khí thải số 02 sau hệ thống xử lý bụi từ máy chứa bột chống dính	X=1220139, Y=575788
3	Nguồn số 05, 06, 07, 08	Dòng thải số 03	Ống thoát khí thải số 03 sau hệ thống xử lý bụi mài	X=1249993, Y=575729

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Sau hệ thống xử lý bụi máy luyện cao su (trộn nguyên liệu) với lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $6.500 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Dòng khí thải số 02: Sau hệ thống xử lý bụi từ máy chứa bột chống dính với lưu lượng khí thải lớn nhất là $12.000 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Dòng khí thải số 03: Sau hệ thống xử lý bụi máy mài với lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $10.000 \text{ m}^3/\text{h}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Bụi và khí thải sau khi xử lý được xả thải ra môi trường thông qua ống thải; xả liên tục khi đang hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, $K_p = 0,9$; $K_v = 1$ và QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
I	Dòng thải số 01			1 năm/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số
1	Lưu lượng	m^3/h	-		
2	Bụi	mg/Nm^3	180		
3	Benzen	mg/Nm^3	5		
4	Styren	mg/Nm^3	100		
5	Butadien	mg/Nm^3	2.200		
QCVN 19:2009/BTNMT cột B, $K_p = 0,9$ và $K_v = 1$ QCVN 20:2009/BTNMT					số

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
II	Dòng thải số 02, 03				08/2022/NĐ-CP)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-		
2	Bụi	mg/Nm ³	180		
QCVN 19:2009/BTNMT cột B, K _p = 0,9 và K _v = 1					

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn luyện cao su (trộn nguyên liệu) được thu gom bằng đường ống dẫn bằng quạt hút sau đó dẫn về máy lọc bụi filter (Kích thước: $D \times R \times H = 1.200 \times 1.200 \times 2.800mm$), sau đó phát tán ra môi trường qua 01 ống thải có chiều cao 12,5m tính từ mặt đất, đường kính 0,2m.

- Nguồn số 02, 03, 04: Bụi phát sinh từ máy chứa bột được thu gom bằng đường ống dẫn bằng quạt hút, đi qua tấm bông lọc thủy tinh (Kích thước: $800 \times 800 mm$), sau đó phát tán ra môi trường qua 01 ống thải có chiều cao 12,5m tính từ mặt đất, đường kính 0,6m.

- Nguồn số 05, 06, 07, 08: Bụi phát sinh từ công đoạn mài được thu gom bằng đường ống dẫn bằng quạt hút sau đó dẫn về máy lọc bụi filter (Kích thước: $D \times R \times H = 1.500 \times 1.250 \times 2.550mm$) và máy lọc bụi túi vải (Kích thước: $D \times R \times H = 1.910 \times 830 \times 3.050mm$), sau đó phát tán ra môi trường qua 01 ống thải có chiều cao 12,5m tính từ mặt đất, đường kính 0,4m.

- Nguồn phát sinh hơi dung môi và nhiệt thừa từ máy lưu hóa được thu gom bằng đường ống dẫn bằng quạt hút, sau đó phát tán ra môi trường qua 01 ống thải có chiều cao 4m tính từ mặt đất, đường kính 0,6m.

- Nguồn phát sinh hơi dung môi và nhiệt thừa từ máy dán vải được thu gom bằng đường ống dẫn bằng quạt hút, sau đó phát tán ra môi trường qua 01 ống thải có chiều cao 12,5m tính từ mặt đất, đường kính 0,6m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Công trình xử lý số 01 (Hệ thống xử lý bụi và khí thải phát sinh từ công đoạn trộn nguyên liệu):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải, bụi → Hệ thống ống dẫn D200-250mm → Quạt hút (1 quạt hút, công suất 6.500 m³/h) → Filter lọc bụi túi vải (Kích thước: D x R x H= 1.200 x 1.200 x 2.800mm) → 01 ống thải (chiều cao 12,5 m tính từ mặt đất, đường kính D200mm).

- Công suất thiết kế: 6.500 m³/giờ/hệ thống

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có

1.2.2. Công trình xử lý số 02 (Hệ thống xử lý bụi và khí thải phát sinh từ máy chứa bột chống dính):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải, bụi → Hệ thống ống dẫn D600mm → Tấm bông lọc thủy tinh (3 tấm, mỗi tấm có kích thước 800 x 800mm) → Quạt hút (1 quạt hút, công suất 12.000 m³/h) → 01 ống thải (Chiều cao 12,5 m tính từ mặt đất, đường kính D600mm).

- Công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ/hệ thống

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Tấm bông lọc bụi thủy tinh 33,6 kg/năm

1.2.3. Công trình xử lý số 03 (Hệ thống xử lý bụi và khí thải phát sinh từ công đoạn mài):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải, bụi → Hệ thống ống dẫn D200-400mm → Filter lọc bụi túi vải (Kích thước: D x R x H= 1.500 x 1.250 x 2.550mm) → Quạt hút 01 (1 quạt hút, công suất 10.000 m³/h) → Thiết bị lọc bụi túi vải (Kích thước: D x R x H= 1.910 x 830 x 3.050mm) → Quạt hút 02 (1 quạt hút, công suất 10.000 m³/h) → 01 ống thải (chiều cao 12,5 m tính từ mặt đất, đường kính D400mm).

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ/hệ thống

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có

1.2.4. Hệ thống thu gom và thoát nhiệt thừa phát sinh từ máy lưu hóa:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dung môi, nhiệt thừa → Hệ thống ống dẫn D600mm → Quạt hút (1 quạt hút, công suất 8.000 m³/h) → 01 ống thải (chiều cao 4 m tính từ mặt đất, đường kính D600mm).

- Công suất thiết kế: 8.000 m³/giờ/hệ thống

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có

1.2.5. Hệ thống thu gom và thoát nhiệt thừa phát sinh từ khu vực máy dán vải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dung môi, nhiệt thừa → Hệ thống ống dẫn D600mm → Quạt hút (1 quạt hút, công suất 15.000 m³/h) → 01 ống thải (chiều cao 12,5m tính từ mặt đất, đường kính D600mm).

- Công suất thiết kế: 15.000 m³/giờ/hệ thống x 2 hệ thống

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các công trình xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra toàn bộ hệ thống để khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: thời gian dự kiến từ tháng 03 năm 2024 đến tháng 05 năm 2025 (thời gian không quá 06 tháng)

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải, bụi từ máy luyện cao su (trộn nguyên liệu), công suất thiết kế 6.500 m³/giờ (Dòng khí thải số 01).

- Hệ thống xử lý khí thải, bụi từ máy chứa bột chống dính, công suất thiết kế 12.000 m³/giờ (Dòng khí thải số 02)

- Hệ thống xử lý khí thải, bụi từ công đoạn mài cao su, công suất thiết kế 10.000 m³/giờ (Dòng khí thải số 03).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

STT	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
1	Tại ống thải số 01, sau hệ thống xử lý khí thải, bụi từ máy luyện cao su (trộn nguyên liệu)	X=1220148; Y=575784
2	Tại ống thải số 02, sau hệ thống xử lý khí thải, bụi từ máy chứa bột chống dính	X=1220139; Y= 575788
3	Tại ống thải số 03, sau hệ thống xử lý khí thải, bụi từ công đoạn mài cao su	X=1249993; Y=575729

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰)

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian lấy mẫu: 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (giai đoạn điều chỉnh do chủ đầu tư tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải).

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu khí thải: Mẫu đơn tại ống thải khí thải.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn tại ống thải trước khi thải ra môi trường của công trình xử lý bụi, khí thải trong 03 ngày liên tiếp).

- Thông số quan trắc:

+ Dòng thải số 1: Lưu lượng, Bụi, Benzen, Styren, Butadien.

+ Dòng thải số 2, 3: Lưu lượng, Bụi.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi Kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường thì phải thực hành trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.5. Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, trong vòng 10 ngày chủ cơ sở phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến cơ quan cấp giấy phép môi trường theo quy định.

Phụ lục 3



BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 85.../GPMT-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực máy luyện cao su (trộn nguyên liệu).
- Nguồn số 02: Khu vực máy mài.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: có tọa độ X = 1222955, Y = 608874
- Nguồn số 02: có tọa độ X = 1222926, Y = 608928

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.
- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 85.../GPMT-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên).

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

Nguồn phát sinh chất thải nguy hại phát sinh trung bình 1 năm cụ thể sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/ lỏng/ bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Hộp mực in thải bỏ	Rắn	12	08 02 04	KS
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	30	16 01 06	NH
3	Dầu nhớt thải	Lỏng	120	17 02 04	NH
4	Dầu truyền nhiệt thải	Lỏng	60	17 03 05	NH
5	Thùng hóa chất thải chứa TPNH	Rắn	293	18 01 03	KS
6	Giẻ lau dính dầu	Rắn	120	18 02 01	KS
7	Bông lọc thủy tinh	Rắn	33,6	18 02 01	KS
8	Bụi phụ liệu	Rắn	2.512	19 03 01	KS
9	Pin, ắc quy thải	Rắn	12	19 06 01	NH
Tổng cộng			3.192,6		

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường:

STT	Nhóm CTRCNTT	Số lượng (kg/năm)
1	Bao bì thải	56,0
2	Bụi mài cao su	3.168
3	Bavia cao su	15.066
4	Vải thừa	1.745
Tổng cộng		20.035

1.3. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

Dự án không phát sinh chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo quy định tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	31,5
Tổng cộng		31,5

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thiết bị lưu chứa: 2 thùng 120L, 3 thùng nhựa 5L và 6 thùng 200L
- Tất cả các loại chất thải được phân loại, lưu chứa trong thùng riêng biệt, có dán nhãn ghi tên từng loại chất thải và biển báo nguy hiểm tùy tính chất của chất thải.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 15 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín mít, không bị thấm thấu, có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô)... theo quy định và có biển báo ghi rõ “Khu vực lưu chứa CTNH” và các biển báo nguy hiểm phù hợp với các loại chất thải đang lưu trữ.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 35 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Cấu tạo kết cấu nền bê tông, có mái che; phân riêng từng khu vực lưu chứa các loại chất thải và có biển báo ghi rõ tên khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chuyên dụng phục vụ cho quá trình loại rác tại nguồn theo đúng quy định. Các thùng chứa có nắp đậy kín.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Khu vực tập kết phải có nền bê tông chống thấm, không bị ứ đọng nước mưa.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật hóa chất và các văn bản liên quan.

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP phù hợp với nội dung phòng ngừa sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 85.../GPMT-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Hồ ga tiếp nhận nước thải của dự án trước khi đầu nối vào Khu công nghiệp Nam Tân Uyên có nắp sắt, được bố trí hờ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước thải khi thải ra môi trường. Vị trí hồ ga đặt tại phía Bắc (tiếp giáp với Đường D2) của cơ sở (nằm trong khuôn viên dự án, tại vị trí hồ ga tiếp nhận nước thải của dự án hàng rào được xây hờ, có song sắt để giám sát) và có gắn biển báo "Điểm thoát nước thải của Công ty TNHH Xin Guang Hong Việt Nam".

3. Hồ ga thoát nước mưa cuối cùng của dự án trước khi thải ra môi trường phải được bố trí hờ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước mưa khi thải ra môi trường. Vị trí hồ ga đặt tại phía Đông (tiếp giáp với Đường N3) của cơ sở (nằm trong khuôn viên cơ sở, tại vị trí hồ ga tiếp nhận nước mưa của dự án hàng rào được xây hờ, có song sắt để giám sát) và có gắn biển báo "Điểm thoát nước mưa của Công ty TNHH Xin Guang Hong Việt Nam".

4. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Luôn thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.